

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2020/HS-ST
Ngày: 29-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Duy Thanh;
2. Ông Huỳnh Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 104/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Nguyễn Gia B, sinh ngày 23/7/1997 tại: thị xã X – An Giang; nơi cư trú: số 363 Nguyễn Văn Thoại, tổ 4, khóm CT 2, phường XB, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Thành X, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Y (đã chết); anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người con út.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giam từ ngày 16/7/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trương Võ Hoàng T1, sinh năm 1997; nơi cư trú: tổ 01, khóm CT 3, phường XB, thành phố K, tỉnh An Giang; có mặt.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Cẩm C, sinh năm 1997; có mặt.
- Ông Ngô Thành B1, sinh năm 1991; có mặt.
- Bà Nguyễn Huỳnh Kiều T2, sinh năm 1999; vắng mặt.
- Bà Phạm Thị Thu T3, sinh năm 1973; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1985; có mặt.
- Ông Trần Anh H, sinh năm 1997; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Nguyễn Gia B và Trương Võ Hoàng T1 là bạn bè; B nhiều lần mượn xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ - đen, biển số 67E1 – 334.72 của T1 để sử dụng. Do cần tiền đánh bạc, B nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của T1, khoảng 14 giờ ngày 03/9/2019, B nói dối T1, mượn xe mô tô để chở Nguyễn Huỳnh Kiều T2 (bạn gái B) đi chơi, tin là thật, T1 đồng ý, kêu B đến tiệm sửa chữa máy vi tính “Hoàng Tín” (thuộc khu vực tổ 28, khóm 6, phường XA, thành phố K) nhận xe của T1. Ngay sau đó, B mang xe qua Gò Tà Mâu – Vương quốc Campuchia cầm cho Phạm Thị Thu T3 lấy 17.000.000 đồng, đánh bạc thua hết. Riêng T1 phát hiện bị chiếm đoạt xe, đến Công an phường XA trình báo.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ - đen, biển số 67E1 – 334.72 (đã trao trả cho bị hại Trương Võ Hoàng T1).

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 402/KL-ĐG ngày 04/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K, ghi nhận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ - đen, biển số 67E1 – 334.72, trị giá 30.000.000 đồng.

Ngày 06/6/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố K ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự; Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Bùi Nguyễn Gia B về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Đến ngày 25/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố K ban hành Quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với Bùi Nguyễn Gia B về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại bản cáo trạng số: 109/CT-VKSCĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Bùi Nguyễn Gia B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thống nhất về thời gian mượn xe của T1, tuy nhiên sau khi được bị hại giao xe, bị cáo chở T2 đi chơi thì nhận được điện thoại của Quang đòi nợ nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của T1 để trả nợ cho Quang, khoảng 17 giờ ngày 03/9/2019, sau khi đưa T2 ra bến xe Hùng Cường thì bị cáo điều khiển xe đến khu vực Gò Tà Mâu cầm cho T3 được 17.000.000 đồng, thêm vào 3.000.000 đồng của bị cáo để trả nợ cho Quang. Bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xin giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời khai này của bị cáo B không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được Cơ quan điều tra thu thập đúng trình tự, thủ tục luật định. Cụ thể:

Bị hại Trương Võ Hoàng T1 khai: T1, B là bạn bè, khoảng 10 giờ ngày 03/9/2019, B điện thoại hỏi mượn xe của T1 nói đi việc riêng, T1 đồng ý. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, B đến tiệm sửa chữa máy vi tính “Hoàng Tín” gặp T1 để nhận xe (Biên bản ghi lời khai ngày 13/8/2020, Bút lục 60 - 61);

Người làm chứng Phạm Thị Thu T3 cho biết: khoảng 15 giờ ngày 03/9/2019, T3 nhận cầm xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Air Blade, màu đỏ - đen, biển số 67E1 - 334.72, giá 17.000.000 đồng của B tại Gò Tà Mâu - Vương quốc Campuchia; ngay sau đó, thấy B mang tiền đến khu vực casino đánh bạc bằng hình thức chơi Tài – Xỉu thua hết. Khi nhận cầm xe mô tô, không biết xe do B phạm tội mà có (bút lục 69 - 70).

Những người làm chứng Nguyễn Huỳnh Kiều T2, Lê Văn Lành, Huỳnh Thị Cẩm Thơ khai: T2 là bạn gái của B nhưng hiện đã chia tay với B (không nhớ thời điểm). T2 khẳng định ngày 03/9/2019, học tập tại Trường đại học Tây Đô (thành phố Cần Thơ) do giáo viên Lê Văn Lành, Huỳnh Thị Cẩm Thơ đứng lớp trực tiếp giảng dạy, không đến thành phố K (bút lục 67 - 68).

Theo lời khai của bị cáo B về địa chỉ người thanh niên tên Quang, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại biên bản xác minh ngày 26/8/2020, Công an phường Vĩnh Nguơn, thành phố K xác định: tại khu vực khóm Vĩnh Chánh 3, phường Vĩnh Nguơn, không có đối tượng tên Quang, sống bằng nghề cho vay tiền góp tại Casino Ba Ông Đá (Bút lục 49).

Từ những chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ để chứng minh Bùi Nguyễn Gia B đã có hành vi dùng thủ đoạn lời nói gian dối để chiếm đoạt của Trương Võ Hoàng T1 01 xe mô tô, trị giá 30.000.000 đồng. Việc bị cáo B khai nại thời điểm nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô sau khi mượn xe của T1 là không đúng sự thật khách quan của vụ án. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tài sản của công dân do công sức lao động và tích lũy trong quá trình sản xuất lao động của họ mới có được, nên luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác một cách bất hợp pháp, dưới bất kỳ hình thức nào đều phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo B là người đã trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường pháp luật, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý lo sợ bị mất tài sản trong nhân dân. Cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi

phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo B thuộc thành phần nhân dân lao động; được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 02 (hai) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng, 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Airblade, màu đỏ - đen, biển số 67E1 - 334.72 (đã trao trả cho bị hại Trương Võ Hoàng T1) nên không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phát hiện sự việc, bị hại Trương Võ Hoàng T1 đã chuộc lại xe với số tiền 19.800.000 đồng, đã nhận số tiền bồi thường của B 9.000.000 đồng, yêu cầu bị cáo B tiếp tục bồi thường 10.800.000 đồng. Xét yêu cầu này là có căn cứ, đúng luật định, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo B qua lại biên giới Việt Nam – Campuchia đánh bạc trái phép nhưng không bị bắt quả tang nên không có căn cứ xử lý. Việc B khai sau khi mượn xe mô tô của T1, do Quang (cho tiền góp tại Gò Tà Mâu, Vương quốc Campuchia) đòi tiền nên cầm xe cho T3 lấy 17.000.000 đồng trả nợ cho Quang. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị hại T1, những người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ thì lời khai của bị cáo là không có cơ sở.

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố K tiếp nhận 02 đơn của nguyên Thành D (ngụ thành phố Cần Thơ), Trần Anh H (ngụ thành phố Hồ Chí Minh) tố giác bị cáo B có hành vi chiếm đoạt xe mô tô. Cơ quan điều tra đang phối hợp với Cơ quan điều tra nơi xảy ra vụ việc để xác minh, yêu cầu cung cấp thông tin. Hiện, chưa có kết quả, sẽ tiếp tục xác minh, xử lý theo luật định.

Bị cáo B không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Kiểm sát viên. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng. Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người làm chứng Nguyễn Huỳnh Kiều T2, Phạm Thị Thu T3, Trần Anh H vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[4] Hành vi phạm tội:

Mặc dù bị cái khai chỉ nảy sinh ý định chiếm đoạt sau khi mượn xe bị hại, nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra và kết quả xét hỏi, kiểm chứng tại phiên tòa cho thấy lời khai của bị cáo chỉ là khai nại, không căn cứ để tin, cụ thể:

Bị hại Trương Võ Hoàng T1 khai: T1, B là bạn bè, khoảng 10 giờ ngày 03/9/2019, B điện thoại hỏi mượn xe của T1 nói đi việc riêng, T1 đồng ý. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, B đến tiệm sửa chữa máy vi tính “Hoàng Tín” gặp T1 để nhận xe (Biên bản ghi lời khai ngày 13/8/2020, Bút lục 60 - 61);

Người làm chứng Phạm Thị Thu T3 cho biết: khoảng 15 giờ ngày 03/9/2019, T3 nhận cầm xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Air Blade, màu đỏ - đen, biển số 67E1 - 334.72, giá 17.000.000 đồng của B tại Gò Tà Mâu - Vương quốc Campuchia; ngay sau đó, thấy B mang tiền đến khu vực casino đánh bạc bằng hình thức chơi Tài – Xỉu thua hết. Khi nhận cầm xe mô tô, không biết xe do B phạm tội mà có (bút lục 69 - 70).

Những người làm chứng Nguyễn Huỳnh Kiều T2, Lê Văn Lành, Huỳnh Thị Cẩm Thơ khai: T2 là bạn gái của B nhưng hiện đã chia tay với B (không nhớ thời điểm). T2 khẳng định ngày 03/9/2019, học tập tại Trường đại học Tây Đô (thành phố Cần Thơ) do giáo viên Lê Văn Lành, Huỳnh Thị Cẩm Thơ đứng lớp trực tiếp giảng dạy, không đến thành phố K (bút lục 67 - 68).

Theo lời khai của bị cáo B về địa chỉ người thanh niên tên Quang, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại biên bản xác minh ngày 26/8/2020, Công an phường Vĩnh Nguơn, thành phố K xác định: tại khu vực khóm Vĩnh Chánh 3, phường Vĩnh Nguơn, không có đối tượng tên Quang, sống bằng nghề cho vay tiền gộp tại Casino Ba Ông Đá (Bút lục 49).

Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do Công an phường XA, thành phố K lập ngày 08/10/2019 (BL 01) có nội dung: Bị hại T1 trình báo vào khoảng 14 giờ 30 phút, do quan hệ bạn bè, tin tưởng lẫn nhau nên T1 có cho bị cáo

mượn xe mô tô, bị cáo hứa sẽ trả lại xe vào ngày 05/9/2019 nhưng sau đó không thực hiện, T1 nhiều lần liên lạc với bị cáo thì được bị cáo cho hay đã cầm xe tại khu vực Gò Tà Mâu nên T1 đã chuộc lại xe và trình báo sự việc đến Công an.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 402/KL-ĐG ngày 04/12/2019 xác định xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ - đen, biển số 67E1 – 334.72 bị cáo chiếm đoạt của T1 trị giá 30.000.000 đồng.

Lời khai của bị cáo không phù hợp với lời khai của T2, T3, biên bản làm việc với Trường Đại học Tây Đô, biên bản xác minh đối tượng tên Quang do Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố K lập, ngoài lời khai bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận lời khai của bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của bị hại sau khi được T1 giao xe, khi bị Quang điện thoại đòi nợ.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, có căn cứ xác định: Do nợ tiền nhiều người và cần tiền đánh bạc, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của bị hại T1 trước khi được bị hại giao xe mô tô; vì là bạn bè, được T1 tin tưởng nên khoảng 14 giờ ngày 03/9/2019, bị cáo nói dối T1 mượn xe mô tô để chở T2 (bạn gái của bị cáo) đi chơi, T1 tin tưởng nên giao xe mô tô cho bị cáo. Sau khi nhận được xe bị cáo điều khiển đến khu vực Gò Tà Mâu cầm cho T3 lấy 17.000.000 đồng. Không thấy bị cáo trả lại xe, T1 nhiều lần liên lạc thì được bị cáo cho biết đã cầm xe tại khu vực Gò Tà Mâu, T1 chuộc lại xe và trình báo Cơ quan Công an hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo. Do đó, có cơ sở xác định, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm đánh lừa bị hại để chiếm đoạt 01 xe mô tô của bị hại trị giá 30.000.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn gian dối là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo ra trước phiên tòa và lời buộc tội là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Chỉ vì mục đích có tiền đánh bạc, thỏa mãn nhu cầu bản thân bị cáo đã sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Xét, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động; quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại để khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với vật chứng là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ – đen, biển số 67E1 – 334.72; quá trình điều tra đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố K trao trả cho bị hại T1 nên không đề cập giải quyết lại trong vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại T1 đã chuộc lại xe mô tô bị chiếm đoạt với số tiền 19.800.000 đồng, có yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 10.800.000 đồng. Xét, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại T1 10.800.000 đồng.

[8] Các vấn đề khác:

Bị cáo B qua lại biên giới Việt Nam – Campuchia đánh bạc trái phép nhưng không bị bắt quả tang nên không có căn cứ xử lý. Việc bị cáo khai sau khi mượn xe mô tô của T1, do Quang (cho tiền góp tại Gò Tà Mâu, Vương quốc Campuchia) đòi tiền nên cầm xe cho T3 lấy 17.000.000 đồng trả nợ cho Quang. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị hại T1, những người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ thì lời khai của bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận.

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố K tiếp nhận 02 đơn của nguyên Thành D (ngụ thành phố Cần Thơ), Trần Anh H (ngụ thành phố Hồ Chí Minh) tố giác bị cáo B có hành vi chiếm đoạt xe mô tô. Cơ quan điều tra đang phối hợp với Cơ quan điều tra nơi xảy ra vụ việc để xác minh, yêu cầu cung cấp thông tin. Hiện, chưa có kết quả, sẽ tiếp tục xác minh, xử lý theo luật định là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Nguyễn Gia B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Xử phạt: Bùi Nguyễn Gia B: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam 16/7/2020 (ngày mười sáu, tháng bảy, năm hai nghìn không trăm hai mươi).

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo B có trách nhiệm bồi thường cho ông Trương Võ Hoàng T1 10.800.000 (mười triệu, tám trăm nghìn) đồng

Áp dụng Điều 135, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Bùi Nguyễn Gia B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Chân